BÀI TẬP CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM
MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 10 - NĂM HỌC 2025-2026
PHẦN TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN
BÀI 16: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Câu 1. Thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam hiện nay được chia thành mấy nhóm?
A. Hai nhóm. B. Ba nhóm. C. Bốn nhóm. D. Năm nhóm.

Câu 2. Thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam hiện nay được chia thành
A. dân tộc đa số và dân tộc thiểu số. B. dân tộc sinh sống vùng đất liền.
C. dân tộc sinh sống vùng hải đảo. D. dân tộc sinh sống vùng miền núi.

Câu 3. Hiện nay ở Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?
A. 50 dân tộc. B. 52 dân tộc. C. 54 dân tộc. D. 56 dân tộc.

Câu 4. Hiện nay, ở Việt Nam có bao nhiêu loại ngữ hệ?
A. Ba loại. B. Bốn loại. C. Năm loại. D. Sáu loại.

Câu 5. Hiện nay, ở Việt Nam có bao nhiêu nhóm ngôn ngữ?
A. Năm nhóm. B. Sáu nhóm. C. Bảy nhóm. D. Tám nhóm.

Câu 6. Dân tộc Kinh (Việt), Mường, Thổ Chứt thuộc ngữ hệ nào sau đây?
A. Hán tạng. B. Nam đảo. C. Thái – Ka-đai. D. Nam Á.

Câu 7. Dân tộc Tày, Thái, Nùng thuộc ngữ hệ nào sau đây?
A. Hán tạng. B. Nam đảo. C. Thái – Ka-đai. D. Nam Á.

Câu 8. Dân tộc Tày, Thái, Nùng thuộc nhóm ngôn ngữ nào sau đây?
A. Việt – Mường. B. Mông – Dao. C. Tày – Thái. D. Thái – Ka-đai.

Câu 9. Dân tộc Kinh (Việt), Mường, Thổ, Chứt thuộc nhóm ngôn ngữ nào sau đây?
A. Tạng – Miến. B. Môn – Khơ-me C. Thái – Ka-đai. D. Việt – Mường.

Câu 10. Căn cứ vào các tiêu chí nào để phân chia các dân tộc - tộc người ở Việt Nam?
A. Theo dân số và địa bàn phân bố. B. Theo ngữ hệ và địa bàn phân bố.
C. Theo dân số và theo ngữ hệ. D. Theo ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ.

Câu 11. Địa bàn cư trú chủ yếu của người Kinh là
A. đồng bằng. B. ven biển. C. đồi núi. D. trung du.

Câu 12. Hoạt động kinh tế chính của người Kinh là
A. buôn bán đường biển. B. sản xuất thủ công nghiệp.
C. sản xuất nông nghiệp. D. buôn bán đường bộ.

Câu 13. Công tác trị thủy, làm thủy lợi gắn với hoạt động kinh tế nào sau đây của người Kinh?
A. Sản xuất thủ công nghiệp. B. Phát triển thương nghiệp.
C. Canh tác lúa nước. D. Buôn bán đường thủy.

Câu 14. Địa bàn cư trú chủ yếu của người người dân tộc thiểu số là
A. đồng bằng. B. ven biển. C. đồi núi. D. trung du.

Câu 15. Hoạt động kinh tế chính của người dân tộc thiểu số sinh sống ở miền núi là
A. buôn bán đường biển. B. sản xuất thủ công nghiệp.
C. canh tác nương rẫy. D. nuôi trồng thủy hải sản.

Câu 16. Việc canh tác lúa nước của các dân tộc thiểu số sinh sống vùng cao chủ yếu ở địa hình:
A. thung lũng chân núi. B. vùng trung du. C. vùng ven biển. D. vùng đồng bằng.

Câu 17. Nhà ở truyền thống của người Kinh là:
A. nhà trệt xây bằng gạch hoặc đắp bằng đất. C. nhà nửa sàn, nửa trệt, xây tường.
B. nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. D. nhà nhiều tầng được dựng bằng gỗ.

Câu 18. Nhà ở truyền thống của người dân tộc thiểu số là
A. nhà trệt xây bằng gạch hoặc đắp bằng đất. C. nhà nửa sàn, nửa trệt, xây tường.

B. nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. D. nhà nhiều tầng được dựng bằng gỗ.

Câu 19. Hình thức vận chuyển và đi lại chủ yếu của dân tộc kinh sinh sống ở vùng sông nước là

A. vận chuyển bằng vai. B. vận chuyển bằng gùi.

C. vận chuyển bằng sức kéo động vật. D. vận chuyển bằng thuyền bè.

Câu 20. Hình thức vận chuyển và đi lại chủ yếu của các dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng cao là

A. vận chuyển bằng vai. B. vận chuyển bằng gùi.

C. vận chuyển bằng sức kéo động vật. D. vận chuyển bằng thuyền bè.

Câu 21. Dựa trên cơ sở nào cư dân các dân tộc trên đất nước Việt Nam xây dựng mô hình nhà ở cho mình?

A. Địa bàn sinh sống. B. Thành phần dân cư. C. Phân hóa xã hội. D. Yếu tố tâm lí.

Câu 22. Tín ngưỡng, tôn giáo nào sau đây được người Việt tiếp thu từ bên ngoài?

A. Thờ Phật. B. Thờ anh hùng dân tộc. C. Thờ Thành hoàng. D. Thờ cúng tổ tiên.

Câu 23. Tín ngưỡng phổ biến mang tính kế thừa trong các gia đình của người Việt Nam ngày nay là tín ngưỡng

A. thờ cúng tổ tiên. B. sùng bái tự nhiên. C. phồn thực. D. đa thần.

Câu 24. Không gian văn hoá nào được UNESCO ghi danh là Kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại?

A. Nghệ thuật múa xoè Thái. B. Đờn ca tài tử Nam Bộ.

C. Cồng chiêng Tây Nguyên. D. Nghệ thuật bài chòi Trung Bộ.

Câu 25. Lễ hội nào thực hiện các nghi thức thờ cúng Hùng Vương?

A. Lễ hội chùa Hương. B. Lễ hội Cầu mùa. C. Lễ hội Cồng chiêng. D. Lễ hội Đền Hùng.

BÀI 17: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Câu 1. Một trong những cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam là từ yêu cầu

A. giúp đỡ, chia sẻ nhau trong trong cuộc sống.

B. tập hợp lực lượng đấu tranh chống ngoại xâm.

C. tập hợp chống thú dữ khi cuộc sống còn sơ khai.

D. chế tạo công cụ lao động trong sinh hoạt hàng ngày.

Câu 2. Một trong những cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam là từ yêu cầu

A. giúp đỡ, chia sẻ nhau trong trong cuộc sống.

B. liên kết để trị thủy và làm thủy lợi.

C. tập hợp chống thú dữ khi cuộc sống còn sơ khai.

D. chế tạo công cụ lao động trong sinh hoạt hàng ngày.

Câu 3. Truyền thuyết nào sau đây là minh chứng về khối đại đoàn kết dân tộc ngay từ thuở bình minh của lịch sử?

A. Con Rồng cháu Tiên. B. Bánh chưng – Bánh Giầy.

C. Sơn Tinh – Thủy Tinh. D. Mỵ Châu – Trọng Thủy.

Câu 4. Thời kì phong kiến tự chủ, khối đại đoàn kết dân tộc giữa người Kinh với các dân tộc thiểu số được các vương triều thực hiện như thế nào?

A. Luôn được quan tâm, xây dựng.

B. Không được quan tâm, xây dựng.

C. Thực hiện chính sách kì thị với dân tộc thiểu số.

D. Tách biệt giữa người Kinh với người dân tộc thiểu số.
Câu 5. Một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc là
A. sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc. B. sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa.
C. sức mạnh về chính trị, quân sự. D. nghệ thuật ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt.
Câu 6. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam, khối Đại đoàn kết dân tộc có vai trò như thế nào?
A. Rất quan trọng. B. Đặc biệt quan trọng.
C. Tương đối quan trọng. D. Quan trọng nhưng không quyết định.
Câu 7. Nguyên nhân nào sau đây quyết định sự thành công các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo về nền độc lập dân tộc ở Việt Nam?
A. Khối đại đoàn kết dân tộc. B. Tinh thần đấu tranh anh dũng.
C. Nghệ thuật quân sự độc đáo. D. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt.
Câu 8. "Đoàn kết là một lực lượng vô địch. Lực lượng đoàn kết đã giúp Cách mạng Tháng Tám thành công. Lực lượng đoàn kết đã giúp kháng chiến thắng lợi".
Lời kêu gọi trên trong ngày Lễ mừng Quốc khánh ngày 2-9-1955 là của ai?
A. Hồ Chí Minh. B. Võ Nguyên Giáp. C. Trường Chinh. D. Lê Duẫn.
Câu 9. Trong thời đại ngày nay, khối đại đoàn kết dân tộc có vai trò như thế nào trong sự nghiệp xây dựng và bảo cệ Tổ quốc?
A. Vai trò to lớn. B. Vai trò quyết định. C. Vai trò quan trọng. D. Vai trò tiên phong.
Câu 10. Cơ sở để huy động sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, giữ gìn ổn định xã hội hiện nay là
A. khối đại đoàn kết dân tộc. B. Hội liên hiệp Phụ nữ.
C. Ủy ban Dân tộc miền núi. D. Hội liên hiệp Thanh niên.
Câu 11. Khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam được phát huy cao độ khi
A. đất nước bị giặc ngoại xâm. B. kinh tế phát triển mạnh mẽ.
C. có sự giao lưu hợp tác trong khu vực. D. có sự giao lưu hợp tác trên thế giới.
Câu 12. Yếu tố nào dưới đây **không** phải là cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam?
A. Yêu cầu trị thủy để phục vụ sản xuất nông nghiệp.
B. Yêu cầu làm thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.
C. Yêu cầu tập hợp lực lượng chống giặc ngoại xâm.
D. Yêu cầu hợp tác và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.
Câu 13. Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, các triều đại phong kiến đã **không** thực hiện chính sách nào sau đây đối với các dân tộc thiểu số?
A. Chính sách thuế má nặng nề, lao dịch, khổ sai.
B. Phong chức tước cho các Tù trưởng miền núi.
C. Thực hiện chính sách ràng buộc bằng hôn nhân.
D. Trấn áp đối với những tù trưởng miền núi có âm mưa tạo phản.
Câu 14. Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, các triều đại phong kiến đã **không** thực hiện chính sách nào sau đây đối với các dân tộc thiểu số?
A. Tách biệt các dân tộc thiểu số đối với người Kinh.
B. Phong chức tước cho các Tù trưởng miền núi.
C. Thực hiện chính sách ràng buộc bằng hôn nhân.
D. Trấn áp đối với những tù trưởng miền núi có âm mưa tạo phản.
Câu 15. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng được cũng cố, mở rộng và phát triển có vai trò như thế nào?
A. Vai trò quan trọng và quyết định đến thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc.

B. Vai trò to lớn và quyết định đến thắng lợi của sự phát triển kinh tế, xã hội.
C. Vai trò quan trọng và quyết định đến thắng lợi của sự nghiệp giáo dục.
D. Vai trò to lớn và quyết định đến thắng lợi về văn hóa, ngoại giao.
Câu 16. Ngày nay trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa và giữ gìn ổn định xã hội, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, khối đại đoàn kết dân tộc có vai trò gì?
A. Củng cố an ninh quốc phòng. B. Bảo vệ chủ quyền quốc gia.
C. Huy động sức mạnh toàn dân tộc. D. Chống lại các thế lực thù địch.
Câu 17. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về vai trò và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong quá trình dựng nước và giữ nước?
A. Tinh thần đoàn kết trong chính sách phát triển kinh tế.
B. Tinh thần đoàn kết khi đất nước bị giặc ngoại xâm.
C. Tinh thần đoàn kết khi đất nước bị thiên tai.
D. Tinh thần đoàn kết khi đất nước bị dịch bệnh.
Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?
A. Kêu gọi toàn dân tham gia vào Mặt trận dân tộc.
B. Nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
C. Đề ra chủ trương chính sách hoạt động tôn giáo.
D. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng thời kỳ.
Câu 30. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?
A. Kêu gọi toàn dân tham gia vào Mặt trận dân tộc.
B. Nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
C. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng vùng miền.
D. Đề ra chủ trương chính sách hoạt động tôn giáo.
Câu 19. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?
A. Kêu gọi toàn dân tham gia vào Mặt trận dân tộc.
B. Nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
C. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng địa phương.
D. Đề ra chủ trương chính sách hoạt động tôn giáo.
Câu 20. Điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay là
A. tính toàn diện. B. tính dân chủ. C. tính dân tộc. D. tính cụ thể.

PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1: Phân tích điều kiện tự nhiên nơi cư trú có tác động như thế nào đến đời sống vật chất của các dân tộc?
Câu 2. Việt Nam là quốc gia có nền văn hóa đa dạng trong thống nhất em hãy lý giải sự đa dạng trong đời sống tinh thần của các dân tộc ở Việt Nam?
Câu 3: Lập bảng tóm tắt về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
Câu 4: Phân tích về một lễ hội của một dân tộc ở Việt Nam
Câu 5: Vì sao khối đại đoàn kết dân tộc có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?
Câu 6: Tinh thần đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong lịch sử được thể hiện như thế nào?
Câu 7: Phân tích những nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam?

Câu 8: Phân tích vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?